

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên
đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tỉnh Bình Phước cũ).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 07 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư 44/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 19/Ttr-SoXD ngày 13 tháng 01 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tỉnh Bình Phước cũ), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công tác: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tỉnh Bình Phước cũ).
2. Địa điểm: Tỉnh Đồng Nai.
3. Đơn vị phê duyệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
4. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai.
5. Tổ chức tư vấn:
 - Nhà thầu tư vấn lập dự toán: Công ty Cổ phần Long Bình Mê Kông.
 - Nhà thầu tư vấn thẩm tra dự toán: Công ty TNHH Giao thông và Xây dựng Tiến Lượng.
6. Loại công trình: Công trình Giao thông.
7. Mục tiêu công tác: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tỉnh Bình Phước cũ).
8. Quy mô và giải pháp kỹ thuật: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ 15 tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tỉnh Bình Phước cũ), bao gồm:
 - Về công tác quản lý gồm các hạng mục công việc như tuần đường, đếm xe, kiểm tra định kỳ và khẩn cấp, trực bảo lũ, cập nhật số liệu cầu đường và tình hình bảo lũ, quản lý hành lang, kiểm tra cầu.
 - Về công tác bảo dưỡng thường xuyên gồm các hạng mục công việc như đắp phụ nền, lè đường, bạt lè đường, thông cống và thanh thải dòng chảy, sơn biển báo, vá ổ gà, lún cục bộ, bong tróc mặt đường, vệ sinh mố, trụ cầu, sửa chữa và sơn lan can, vệ sinh mặt cầu và ống thoát nước.
 - Danh mục các tuyến đường:

STT	Tên tuyến đường	Cấp đường	Chiều dài (km)	Ghi chú
1	ĐT.741.	III	20,810	2 cầu
2	ĐT.751.	III	15,080	2 cầu
3	ĐT.752.	III,IV	17,600	
4	ĐT.753.	III, IV	29,400	3 cầu
5	ĐT.754.	IV	12,251	2 cầu
6	ĐT.754B.	IV	9,916	2 cầu
7	ĐT.755.	IV	37,900	3 cầu
8	ĐT.755B.	IV	33,600	3 cầu
9	ĐT.756.	IV	50,441	7 cầu
10	ĐT.756C.	III	18,400	1 cầu
11	ĐT.757.	IV	32,766	4 cầu
12	ĐT.758.	IV	34,000	3 cầu
13	ĐT.759.	III,IV	48,997	3 cầu
14	ĐT.759B.	II, III	40,500	
15	ĐT.760.	IV	51,630	6 cầu

9. Giá trị dự toán (làm tròn): **60.601.657.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ, sáu trăm lẻ một triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Trong đó:

- a) Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ: 55.889.946.180 đồng.
- b) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.641.129.093 đồng.
- c) Chi phí khác: 184.789.376 đồng.
- d) Chi phí dự phòng: 2.885.793.232 đồng.

(Bảng phụ lục chi tiết kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện: Năm 2026-2027.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

a) Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn sự nghiệp giao thông.

b) Dự kiến bố trí vốn thực hiện dự án: Theo Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Sở Xây dựng quản lý.

12. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý theo đúng quy định.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (*Nếu có*); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*Nếu có*): Không.

14. Các nội dung khác:

Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Tổ chức kiểm tra, rà soát lại khối lượng, dự toán để làm cơ sở thẩm định, phê duyệt dự toán và phê duyệt giá gói thầu; xác định đơn giá theo quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư để xác định giá gói thầu trước khi lựa chọn nhà thầu, đảm bảo hiệu quả kinh tế và theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ đầu tư lưu ý rà soát thực hiện phù hợp các quy định về chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội và các quy định khác có liên quan

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sở Xây dựng

- Là Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước tiếp theo đúng với quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về các trình tự, thủ tục pháp lý về nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 263/TTr-SoXD ngày 18/12/20225; tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, gây thất thoát tài sản nhà nước.

Điều 3. Các Ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN.
- Trí-QĐ35

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Hà

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

STT	Hạng mục chi phí	Kinh phí
I	CHI PHÍ QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ	55.889.946.180
1	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.751; ĐT.752; ĐT.754; ĐT.754B; ĐT.756C; ĐT.757; ĐT.758; ĐT.759B.	25.175.958.911
2	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.471; ĐT.753; ĐT.755; ĐT.755B; ĐT.759; ĐT.760.	30.713.987.269
II	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.641.129.093
1	Chi phí thị sát thu thập số liệu, lập dự toán	130.028.036
1.1	Chi phí lập dự toán	72.198.639
1.2	Chi phí thị sát thu thập số liệu	57.829.397
2	Chi phí thẩm tra dự toán	58.773.881
3	Chi phí tư vấn giám sát thi công các gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường	1.304.209.019
3.1	Chi phí Giám sát gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.751; ĐT.752; ĐT.754; ĐT.754B; ĐT.756C; ĐT.757; ĐT.758; ĐT.759B.	587.488.715
3.2	Chi phí Giám sát gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.471; ĐT.753; ĐT.755; ĐT.755B; ĐT.759; ĐT.760.	716.720.304
3	Chi phí lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT các gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ	83.200.602

3.1	Chi phí lập E-HSMT gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.751; ĐT.752; ĐT.754; ĐT.754B; ĐT.756C; ĐT.757; ĐT.758; ĐT.759B.	16.865.193
3.2	Chi phí đánh giá E-HSMT gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.751; ĐT.752; ĐT.754; ĐT.754B; ĐT.756C; ĐT.757; ĐT.758; ĐT.759B.	20.613.014
3.3	Chi phí lập E-HSMT gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.471; ĐT.753; ĐT.755; ĐT.755B; ĐT.759; ĐT.760.	20.575.078
3.4	Chi phí đánh giá E-HSMT gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.471; ĐT.753; ĐT.755; ĐT.755B; ĐT.759; ĐT.760.	25.147.317
4	Chi phí thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ	64.917.555
4.1	Chi phí thẩm định E-HSMT gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.751; ĐT.752; ĐT.754; ĐT.754B; ĐT.756C; ĐT.757; ĐT.758; ĐT.759B.	12.646.384
4.2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.751; ĐT.752; ĐT.754; ĐT.754B; ĐT.756C; ĐT.757; ĐT.758; ĐT.759B.	17.423.724
4.3	Chi phí thẩm định E-HSMT gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.471; ĐT.753; ĐT.755; ĐT.755B; ĐT.759; ĐT.760.	14.011.339
4.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ các tuyến đường: ĐT.471; ĐT.753; ĐT.755; ĐT.755B; ĐT.759; ĐT.760.	20.836.108
III	CHI PHÍ KHÁC	184.789.376
1	Phí thẩm định dự toán	17.468.199
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	167.321.177
IV	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	2.885.793.232

1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng	2.885.793.232
	TỔNG DỰ TOÁN	60.601.657.883
	LÀM TRÒN	60.601.657.000